TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ – ST.
Ngày: 29-04-2021.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Gốc

2. Ông Nguyễn Văn Đông.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Điêu Khắc Khanh– Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Kim Xa– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về *"Tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Bà **Trương Thị Y**- sinh năm 1999.

Địa chỉ: khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. (xin xét xử vắng mặt)

2.Bị đơn: Ông **Võ Văn Vũ L**- sinh năm 1999.

Địa chỉ: khu vực C, phường D, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. (xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trương Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Văn Vũ L do mai mối và được gia đình chấp thuận nên ông bà tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, nhưng do sau khi cưới vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên đến nay bà và ông L vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc

nhưngđến khoảng tháng 06/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, ông L ham chơi cờ bạc không chăm lo làm ăn để phụ giúp gia đình, nhiều lần gia đình đã trả nợ thay cho ông L và bà có khuyên ông L sửa đổi từ bỏ cờ bạc, nhưng ông L không chịu sửa đổi nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã nhau dẫn đến hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ, sau đó bà và ông L đã chính thức sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Trong suốt thời gian ly thân bà và ông Lkhông thường xuyên liên lạc với nhau nên đến nay vợ chồng cũng không tìm ra giải pháp gì hữu hiệu để hàn gắn tình cảm. Nay bà xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với ông L nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L để ổn định cuộc sống.Đồng thời, do bận đi làm xa nên bà xin được xét xử vắng mặt, bà cam kết không khiếu nại gì về sau.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Văn Vũ L trình bày: Ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà Trương Thị Y về thời gian chung sống, hôn nhân tự nguyện và có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian sống ly thân ông cũng thống nhất như bà Y trình bày là đúng. Từ khi ly thân do bận đi làm ở xa và không thường xuyên liên lạc với bà Y nên đến nay ông cũng không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm với bà Y. Nay nhận thấy bà Y cương quyết yêu cầu ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà Y. Đồng thời, do bận đi làm xa nên ông L xin được xét xử vắng mặt, ông cam kết không khiếu nại gì về sau.

Về con chung: Bà Y và ông L thống nhất có 01 (một) con chung tên Trương Võ Minh K - sinh ngày 21/8/2018 hiện do bà Y đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông bà thống nhất giao con chung cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành và ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Y số tiền 1.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 16/4/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và về nợ chung: Bà Y và ông L xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo hợp lệ đến các đương sự về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; đồng thời lập biên bản đối chất về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung theo quy định của pháp luật và tiến hành đưa vụ án ra xét xử công khai.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa xét xử phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Trương Thị Y và ông Võ Văn Vũ L là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung tên Trương Võ Minh K - sinh ngày 21/8/2018 cho bà Y được quyền nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, ông L có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Y số tiền là 1.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 16/4/2021 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và về nợ chung: không có.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Y phải nộp theo quy định pháp luật.

- Về án phí cấp dưỡng: Ông L phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Y và bị đơn ông Võ Văn Vũ L có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bà Y, ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bà Trương Thị Y yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn Vũ L. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Võ Văn Vũ L hiệnnay có đăng ký thường trú và sinh sống tại khu vực C, phường D, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Do đó, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Trương Thị Y và ông Võ Văn Vũ L bắt đầu chung sống như vợ chồng từ đầu năm 2017 trên tinh thần tự nguyện và có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống do ông L thiếu trách nhiệm, không chăm lo cho vợ con được chu đáo, thường đi cờ bạc, rượu chè về gây chuyện cự cải với vợ vô cớ nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã làm cho đời sống hôn nhân không đạt được hạnh phúc. Đến tháng 10 năm 2020 thì ông bà sống ly thân cho đến nay không có giải pháp gì hàn gắn được tình cảm. Nay bà Y yêu cầu được ly hôn với ông L để ổn định cuộc sống thì ông L cũng đồng ý ly hôn với bà Y. Xét, bà Y và ông L có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng bà Y, ông L không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà Y yêu cầu ly hôn với ông L là không có cơ sở, mà áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận bà Y và ông L là vợ chồng.

[3.2] *Về con chung*: Bà Y và ông L chung sống có 01 (một) con chung tên Trương Võ Minh K – sinh ngày 21/8/2018. Khi ly hôn, bà Y và ông L thống nhất

giao con chung cháu K cho bà Y được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành và ông Lcó nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Y số tiền 1.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 16/4/2021 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự không vi phạm pháp luật và cũng không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung và về nợ chung: Bà Y, ông Lthống nhất xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3.4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Y phải nộp theo quy định pháp luật.

[3.5] Về án phí cấp dưỡng: Ông L phải nộp theo quy định pháp luật.

[4] Xét, đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* ***Tuyên bố:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa bà Trương Thị Y và ông Võ Văn Vũ L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trương Võ Minh K, sinh ngày 21/8/2018 cho bà Y được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Y số tiền 1.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 16/4/2021 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Ông Võ Văn Vũ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.Bà Trương Thị Y cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Võ Văn Vũ L trong việc thăm nom con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị Y phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Y đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004002 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ *(công nhận bà Y đã nộp xong).*

4. Về án phí cấp dưỡng: Ông Võ Văn Vũ L phải nộp số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơnbiết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- Chi Cục THA DS Q. Thốt Nốt;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Thị Mộng Tuyền